

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/10/2021.

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Anh.

2. Bà Vũ Thị Hào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 143/2021/TB- TA ngày 13/10/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị L, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Số nhà 45, đường P, tổ 10, ấp 6, xã V, huyện V, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Vũ Thiên L1, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số nhà 474/14, tổ 15, ấp 3, xã V, huyện V, tỉnh Đ.

(Chị L, anh L1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn chị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Thiên L1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/10/2016. Trong quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung từ đó thường

xuân xảy ra cãi vã, xung đột. Anh L1 có hành vi đánh đập chị, đến tháng 10/2017 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L1.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Vũ Thiên L1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án làm việc gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L1 trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Vũ Thiên L1 cư trú tại: Số nhà 474/14, tổ 15, ấp 3, xã V, huyện V, tỉnh Đ, nên đơn khởi kiện của chị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Bị đơn anh L1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh L1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 144/2016 ngày 11/10/2016 trên cơ sở tự nguyện, căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân giữa chị L và anh L1 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung

sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh L1 nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh L1 xảy ra từ khoảng đầu năm 2017 đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, không chăm lo cuộc sống gia đình, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. vợ chồng đã sống ly thân với nhau trong thời gian dài. Giữa hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng anh L1 vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và không tham gia tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ anh L1 không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và tại gia đình của anh L1 thì giữa chị L và anh L1 có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân đúng như chị L đã trình bày.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh L1 là có thật, đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc nhau, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L, chị L được ly hôn với anh L1.

[4] Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L phải nộp 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của chị Đặng Thị L

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L được ly hôn anh Vũ Thiên L1.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Đặng Thị L phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004927 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện T;
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đại